

TÀN MẠN KHẢ NĂNG TỰ SUY THOÁI CỦA PHẬT GIÁO

Trần Văn Chánh



Sự biến mất của Đạo Phật ở Ấn Độ, nơi nó đã được sinh ra, trưởng thành và đạt đến những thành tựu cao nhất, là một hiện tượng đáng ngạc nhiên và đau lòng đối với những người chí thú với Phật pháp, mặc dù vậy nó vẫn đã xảy ra trên thực tế chứ không còn là một điều tưởng tượng. Tuy nhiên, cho đến tận giờ, thế nào và tại sao đạo Phật đã không tồn tại lâu dài ở Ấn Độ vẫn còn là một vấn đề khó hiểu với nhiều ý kiến rất khác nhau.

Là người Phật tử, hoặc cảm tình viên của Phật giáo, chắc không ai thích nghe bàn về chuyện Phật giáo cũng có thể bị suy thoái, thậm chí hủy diệt, bằng bất cứ kiểu gì. Tuy nhiên, nếu chỉ đơn giản dựa trên cái lý “thành trụ hoại không” (hay “sinh trụ dị diệt”) của nhà Phật, thì bất cứ sự vật nào trên thế gian nếu đã có thành tất phải có hoại và cuối cùng đi đến chỗ diệt vong, hoặc biến đổi sang trạng thái khác hẳn. Điều này không chỉ đúng riêng đối với Phật giáo, hay mọi tổ chức, thiết chế xã hội khác trên đời mà còn đúng cả với cuộc nhân sinh tại trần gian này nữa, vì hiện nay, trước tình trạng khủng hoảng môi sinh toàn cầu, thế giới cũng đang đứng trước mối đe dọa bị hủy diệt, mang tính hoàn toàn hiện thực. Giả định, đến một lúc nào đó thế giới quả thật bị hủy diệt, tức đến hồi mạt pháp, thì chuyện tu hành không còn, kinh sách cũng sẽ trở nên hoàn toàn vô nghĩa.

Được biết, Phật giáo ra đời ở Ấn Độ từ thế kỷ 6 TCN. Trước sự trỗi dậy mạnh mẽ của đạo Bà La Môn (còn gọi Ấn Độ giáo), Phật giáo đã hầu như bị tiêu diệt tại quê hương của nó nhưng đã kịp thời lan tỏa truyền sang các nước xung quanh như Trung Quốc, Việt Nam và một số nước Châu Á khác. Riêng tại Việt Nam, Phật giáo được truyền đến vào khoảng năm 188 TCN, tức cách nay đã trên 2000 năm, do nhà sư người Ấn Độ là Marajivaca (Ma Ha Kỳ Vực). Có nhiều bằng chứng cho thấy Phật giáo du nhập vào Việt Nam tại thời điểm trước hoặc sau tây lịch trong khoảng xê xích một, hai thế kỷ, và đã có nhiều thời kỳ Phật giáo hưng thịnh và tồn tại như một quốc giáo, như dưới các thời Đinh, Tiền lê, Lý, Trần. Ở các triều đại này, nó còn giữ được vai trò chính sự quan trọng và đã có nhiều vị cao tăng được triều đình trọng dụng như thiền sư [Pháp Thuận](#), [Khuông Việt](#), [Van Hạnh](#), [Pháp Loa](#), v.v. được mời ra tham chính và cố vấn cho các vua. Cho đến hiện nay, Phật giáo vẫn tiếp tục chiếm được địa vị ưu việt so

với nhiều tôn giáo khác cùng tồn tại song song, và là tôn giáo có ảnh hưởng sâu rộng nhất ở Việt Nam.

Theo thống kê của Ban Tôn giáo [chính phủ Việt Nam](#) năm 2005, hiện có gần 10 triệu tín đồ Phật giáo. Còn theo số liệu của [Giáo hội Phật giáo Việt Nam](#) thì cả nước có đến gần 45 triệu tín đồ [quy y tam bảo](#), chiếm phân nửa dân số; có 839 đơn vị gia đình Phật tử và khoảng 44.498 tăng ni; hơn 14.775 tự, viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường... Báo chí, sách vở truyền bá giáo lý Phật giáo cũng được xuất bản ngày một thêm nhiều, giúp cho Phật pháp có điều kiện lan tỏa, hoằng dương, thâm nhập ngày một thêm sâu rộng vào cuộc sống.

Nếu chỉ nhìn trên các con số thông kê đơn thuần thì Phật giáo Việt Nam như vậy cũng đang hưng thịnh và đáng phấn khởi, nhưng nếu nhìn theo một chiều sâu hơn để đi vào đánh giá thực chất của đạo Phật thì lại còn lắm điều phức tạp nữa phải bàn, bởi sự phát triển về hình thức giáo hội và số lượng tăng ni Phật tử chưa phải là yếu tố căn bản quyết định đủ để nói lên thực chất của vấn đề đang xét và có thể sẽ có những quan điểm đánh giá rất khác nhau tùy theo chúng ta muốn xem xét đạo Phật trên cơ sở chú trọng bề nổi hay thực chất nội dung sâu sắc từ bên trong. Vì thật ra, chất lượng thực chất của đạo Phật nói một cách đơn giản nhất chính là sự giác ngộ và tu chứng nhiều hay ít trong hàng ngũ xuất gia, chứ không phải có thật nhiều tự viện cùng số lượng nhà sư đông đảo nói chung, hoặc có thật nhiều nhà sư trẻ đỗ được các cấp bằng tiến sĩ, thạc sĩ từ Ấn Độ, Đài Loan... du học trở về.

Nếu theo quan điểm thứ hai, chú trọng sự phát triển thực chất, không ít ý kiến hiện nay cho rằng Phật giáo Việt Nam đang cơ bản phát triển tốt với đội ngũ tăng chúng tu tập nghiêm chỉnh theo lời dạy của Phật, nhưng cũng có một số dấu hiệu suy thoái khá đáng lo ngại, biểu hiện qua hình thức lối sống thực tế của một số tăng ni trong tầng lớp lãnh đạo giáo hội, phần nhiều thuộc các cấp trung gian hoặc ở một số cơ sở chùa chiền lớn, nhỏ trong cả nước.

Như chúng ta đều biết, hoạt động của đạo Phật đặt cơ sở trên Tam bảo gồm ba nền tảng chính là Phật, Pháp và Tăng, lấy giới luật làm hệ thống quy định bắt buộc mọi người phải tuân thủ nhằm đảm bảo sự tu trì đạt kết quả tốt như mong muốn. Trong ba yếu tố Phật, Pháp, Tăng thì Tăng là đoàn thể xuất gia tu hành đứng trên cuộc sống vật chất trong cuộc đời tục lụy, có vai trò quan trọng trong việc hoằng pháp lợi sinh, và cũng là mặt biểu hiện dễ nhìn thấy rõ nhất. Qua những hoạt động thực tế của tăng đoàn mà người ta có thể đánh giá Phật giáo là đã tốt hay chưa tốt. Điều này cũng tương tự như khi muốn biết một chính phủ trị dân thế nào, người dân thường có thể đánh giá chính xác qua lời nói, việc làm cụ thể của các cán bộ từ cấp cao nhất cho đến cấp nhỏ nhất.

Do phải tổ chức thành giáo hội để hoạt động, với tôn ti phẩm trật cao thấp, nên nếu không cẩn thận đề phòng bằng việc nghiêm giữ giới luật, sẽ dễ phát sinh hiện tượng suy thoái quyền lực ở những người giữ các chức vụ cao. Điều này đúng trong hầu hết mọi tôn giáo trên thế giới, tương tự như hiện tượng suy thoái quyền lực thông thường của các cấp lãnh đạo trong mọi chính quyền ở hầu khắp các nước dân trí còn thấp và chưa có được một nền dân chủ chín muồi vậy.

Mặc dù đã có giới luật ràng buộc, nhưng nếu hệ thống kiểm soát sự chấp hành không nghiêm từ trên xuống dưới và người trên không làm gương tốt cho kẻ dưới noi theo thì tăng ni cũng dễ vi phạm giới luật, làm những điều không hợp với truyền thống tốt lành của đạo Phật, tạo nên những hiện tượng tiêu cực tuy có ít hơn ngoài đời nhưng cũng gần na ná như trong xã hội đời thường và trong các tổ chức chính trị-xã hội. Trong điều kiện cần đề phòng suy thoái

như vậy, Phật giáo Việt Nam dường như vẫn chưa có một giải pháp căn bản nào để ngăn chặn kịp thời và hữu hiệu, vì thế vẫn còn tiềm ẩn nhiều khả năng có chuyện lạm quyền và thu vén cá nhân, hoặc kéo bè kết cánh, ở một số cấp lãnh đạo giáo hội nơi này nơi khác. Nhiều Phật tử được biết, không phải là không có chuyện khi giáo hội trung ương xuống công tác hoặc kiểm tra, một số thầy ở địa phương nào đó cũng tập nhiễm thói quen đái đẳng trọng hậu để lấy cảm tình cấp trên nhằm che giấu những thành tích còn hạn chế hoặc thậm chí bất hảo của mình.

Tuy nhiên, trước một số những biểu hiện tiêu cực đã được trông thấy, chúng ta, dù là tăng hay tục, cũng không nên vội vã có thái độ quá gay gắt khắt khe, mặc dù vẫn phải có một lập trường rõ rệt và dứt khoát cảnh giác. Ở một quan điểm khoan dung hơn, chúng ta nhận thức rằng chuyện tu hành là không đơn giản. Nó là một quá trình phấn đấu bền bỉ lâu dài đầy gian nan trắc trở, phải trải qua hàng loạt những thử thách gay go từ bản thân ra đến ngoài xã hội. Đó còn là cuộc đấu tranh gian nan tự vượt thắng mình, với sự trì kéo giữa một bên là bản năng sinh vật của con người trần tục còn bên kia là lý tưởng đạo đức, và vì vậy cũng phải giải quyết luôn các mâu thuẫn giữa lý trí với tình cảm, giữa nhận thức với hành động, cũng như giữa lời nói với việc làm cụ thể... Mà có làm được như vậy hay không lại còn tùy thuộc vào căn duyên hiện định và tiền định của mỗi cá thể người, vốn bị hệ lụy tất yếu bởi các yếu tố từ di truyền cho đến điều kiện xã hội mà con người thật ra chỉ là sản vật, phải chịu đủ thứ cám dỗ và tác động tiêu cực từ những yếu tố xung quanh mà người tu hành không thể đứng ngoài hoặc vượt thoát một cách hoàn toàn.

Trước hết, con người vốn dĩ bất toàn đầy khuyết điểm nên mới cần đến sự tu hành để tự chấn chỉnh, sửa mình. Với cái nhìn khoan dung cởi mở, chúng ta cũng sẽ không có thái độ dè bĩu khi thấy những chuyện xảy ra trong môi trường tự viện mà chưa đúng với tinh thần Phật giáo, như chuyện nhà sư bị trộm vào chùa lấy mất mấy tượng Phật đắt giá, hoặc cuỗm đi số tiền lớn cất kỹ trong rương, thì họ khó thể vui vẻ thừa nhận được ngay tính “không” của đạo Phật. Tương tự như vậy, khi bị kiến, muỗi cắn, họ có thể bị giạt mình sân si lên như những người ngoại đạo bình thường mà giết kiến, đập muỗi chết một cách không ý thức, vô tình phạm vào giới sát sinh. Khi được thỉnh đi tụng kinh cầu siêu cho ai, nếu chủ nhà rước đi bằng một phương tiện sang trọng (như xe hơi thay cho đi bộ...) thì có lẽ họ vẫn thích hơn phải cuốc bộ, băng đồng lội ruộng.

Tiếp một đại thí chủ, thì về mặt tâm lý bình thường, có lẽ thầy trụ trì nào dù từ bi hỉ xả đến đâu cũng vẫn hoan hỉ hơn tiếp một kẻ ăn mày đến chùa xin cơm nhiều lần..., nghĩa là vẫn còn tâm phân biệt. Chính vì thế mới có nhân vật nhà sư lý tưởng tên Lâm trong tiểu thuyết Phật giáo *Thoát vòng tục lụy*, đã phản ứng lại thể thái nhân tình trong môi trường tự viện bằng cách không chịu lau quét dọn chùa trong ngày nhà chùa đang rộn ràng chuẩn bị tiếp một đại thí chủ là Thiên Kim Tiểu Thư con quan tể tướng.

Ăn chay là sự cố gắng kiềm chế vật dục rất đáng ca ngợi của người tu hành, có thể nói còn là một sự dũng mãnh nữa, nhưng ăn chay mà ăn ngon thì vẫn thích hơn ăn những thức quá xoàng như tương chao rau muối, vì thế mà nhiều tiệm cơm chay hạng sang đã sống được, tiếp khách là một số nhà sư thỉnh thoảng đi xe hơi sang trọng đến độ thực.

Thông thường, trừ một số tương đối ít, các tu sĩ vẫn thích được bổ nhiệm vào chức vụ cao trong giáo hội hoặc trong chùa hơn là giữ mãi chức hương đăng tầm thường tối ngày lau dọn, lo chuyện nhang đèn... Thế là vẫn còn lòng tham muốn, một trong ba loại phiền não căn bản thúc đẩy tạo nghiệp ác...

Các cơ sở từ thiện của Phật giáo hiện nay đang phát triển mạnh. Nhiều nơi đã an ủi, mang lại lợi ích thiết thực cho những người cơ nhỡ, bất hạnh, như các trại nuôi trẻ mồ côi, dưỡng lão, nhưng không phải không có một số nơi khác lợi dụng công tác từ thiện để quỵên góp lòng từ thiện của bá tánh, mượn đạo tạo đời.

Kể xấu một số thực tế như vừa nêu trên, chúng ta hoàn toàn không có ý chê bai giới tăng sĩ hay chỉ trích bôi bác Phật giáo, mà chỉ để nói lên một sự thật cận nhân tình, cho thấy sự giác ngộ và tu chứng là một quá trình không chút dễ dàng. Với lại, những chuyện chưa đẹp như vậy không chỉ có trong tập thể Phật giáo, mà còn có thể được nhận thấy ở bất kỳ nơi tôn nghiêm nào khác trên toàn cõi hành tinh này nữa. Trong một tâm thái tiếp xúc như vậy, chúng ta sẽ thấy khá là bình thản nếu biết một nam sa di nào ở đâu đó thỉnh thoảng lén ăn mặn hoặc có quan hệ với nữ sắc! Chẳng qua vì nhà sư vẫn là một người hiện diện đa nhân cách trong cuộc đời, bên cạnh tín ngưỡng và lòng hướng thiện, phần đầu tu trì, họ vẫn tồn tại như một sinh vật con người với đủ cả các mặt xấu, tốt, hễ “khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm”. Có thể nói, tu hành là một quá trình phấn đấu khó khăn tương tự như khi người ta muốn lên cung trăng vậy, và còn gian khổ hơn so với việc, chẳng hạn như muốn trở thành một nhà doanh nghiệp giàu có.

Như vậy, nếu lỡ thấy nhà sư nào bị “chìm” thì Phật tử tại gia hoặc thường nhân chúng ta cũng chớ lấy làm kinh ngạc hay thất vọng quá đỗi, và chỉ nên để ý, nhận xét thôi chứ không nên chê bai, dè bĩu, hoặc thậm chí chỉ vì thấy con sâu làm rầu nồi canh mà vợ đũa cả nắm bôi bác cả tăng già đạo Phật.

Người ta thường có tâm lý cho nhà sư không phải người phạm nên hễ thấy chuyện trái ý thì đâm ra thất vọng. Hòa thượng Thích Thanh Từ có lần đã cảnh giác điều này khi bàn về tính tương đối có nhắc đến căn bệnh tinh thần gọi là “bệnh thần tượng” mà nhiều người mắc phải: “Chúng ta dễ mắc cái bệnh ‘thần tượng hóa’ người mình quý kính. Người mình quý kính là thánh thiện một trăm phần trăm (100%), nếu thân cận một thời gian, thấy vị đó có một vài điều còn phạm tục, ‘thần tượng’ liền sụp đổ. Từ đây ta sinh tâm khinh lờn cho đến bất mãn, không còn tin tưởng vào ai nữa... Khi trước do tin vào bậc thầy thánh thiện nên ta tinh tấn tu hành, nay mất lòng tin rồi sinh bê tha hư đốn. Tại sao ta không xét nét kỹ càng xem, bậc thầy kia hơn mình bao nhiêu phần? Nếu ta có hai mươi phần trăm (20%) tốt, vị thầy có bốn chục phần trăm (40%) hay sáu chục phần trăm (60%) thì rất đáng cho mình học tập theo. Vì vị ấy đã tốt hơn mình gấp đôi gấp ba, còn chê trách nổi gì. Bởi vì vị thầy chưa phải là Thánh, là Phật làm sao hoàn toàn thánh thiện được. Chúng ta cảm thông vị ấy đang tu, còn những cái dở để sửa, để bỏ. Bờ tát vẫn còn vi tế vô minh, nếu sạch hết vô minh là thành Phật. Biết rõ cái tốt của những vị mình quý kính là tương đối thì mình kính tin vừa phải, chừng mực, không ‘thần tượng hóa’. Nếu thấy vị ấy có vài nét phạm tục, mình cũng cảm thông bỏ qua, vì đây là người đang tu đang tiến, đừng đòi hỏi quá đáng. Hoặc giả ngày xưa mình tin vào vị thầy gần như tuyệt đối, vị ấy dạy gì mình cũng cố gắng làm cho được, nhờ đó trên đường tu mình tiến bộ vượt bậc. Nay mình mất lòng tin ở vị thầy ấy, sinh tâm lui sụt, đây là điều sai lầm. Tại sao mình không nghĩ ta tu là ta tiến, thầy tu thì thầy tiến. Đâu phải thầy tu hay ta mới tiến, thầy tu dở ta bị lùi. Phải tin vào mình, phải trông cậy vào mình...” (*Cành lá vô ưu*, NXB Tôn Giáo, tr. 41-42).

Câu chuyện nhà sư Huyền Trang ngơ ngẩn bàng hoàng tiếc rẻ khi bị mất áo cà sa kể trong *Tây du ký* của Ngô Thừa Ân là một chuyện tế nhị cho thấy cái phần người trong thánh của các vị còn đang tu hành chưa đắc quả. Nhà văn Trung Quốc tài hoa Lâm Ngữ Đường (1895-1976) là

người rất tâm đắc về thuyết cận nhân tình của ông, có lần phát biểu đại khái cái gì bất cận nhân tình đều là xấu cả, và “Một tôn giáo bất cận nhân tình không phải là một tôn giáo, một chính trị bất cận nhân tình là một chính trị điên khùng, một nghệ thuật bất cận nhân tình là một nghệ thuật dở... Lý tưởng cao nhất mà ta có thể hướng tới là thành một người ‘cận nhân tình’, khả ái, biết phải trái, chứ không phải thành một người nộm để phô trương các đạo đức” (Lâm Ngữ Đường, *Sống đẹp*, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, NXB Văn Hóa, 1993, tr. 167). Lẽ tất nhiên họ Lâm đang nói về con người bình thường chứ không nói về nhà tu, nhưng với quan điểm cận nhân tình, chắc chắn Lâm sẽ cảm thấy vui vẻ tự nhiên giả định ông tình cờ phát giác một nhà sư nào đó trong chùa ăn mặn hoặc lén lấy cắp của bạn đồng học một quyển sách quý vì nghèo quá không có tiền mua, phạm vào hai giới sát sinh và đạo thiết! Cho nên Lâm Ngữ Đường cũng lấy làm thích thú khi ông liệt kê ra 33 lúc vui của tiền bối ông là nhà văn Kim Thánh Thán (1608-1661), trong đó có cái vui thứ 18 liên quan đến sinh hoạt của nhà sư: “Đã từ lâu muốn làm tỳ khưu, nhưng khổ nỗi không được công nhiên ăn thịt. Nếu được làm tỳ khưu lại được công nhiên ăn thịt thì mùa hè nấu một nồi nước, cầm con dao bén, cạo đầu cho sạch. Chẳng cũng khoái ư?”. Có người cho Lâm nhạo báng đạo Phật, đâu có ngờ rằng khi đến tuổi trưởng thành, có lúc ông đã từng từ bỏ Cơ Đốc giáo để đi đến với Khổng giáo và Phật giáo.

Ở một mặt khác, chúng ta đều thấy rằng người tu hành dù khéo hay vụng thì thường thường vẫn có lòng hướng thiện rất cao. Có những thầy xuất gia không ý thức, như trường hợp vì hoàn cảnh phải nương sống cửa Phật từ lúc nhỏ, nhưng qua quá trình tu tập rèn luyện, được sự giáo dục của nhà chùa mà trở nên giác ngộ, có lòng từ bi thương người, họ có thể chưa rửa hết được mọi tật xấu và tính ích kỷ, cũng như trong một số rất ít trường hợp, có thể manh tâm nói xấu bạn đồng đạo nhưng hầu như không có trường hợp phạm vào những tội đại ác như cướp của giết người... Kể cả những thầy đạo đức hơi giả một tí, miệng thường “nam mô” nhưng ác niệm trong lòng vẫn chưa dứt, thì cũng tạm coi là đã có đạo đức một phần rồi, chẳng qua vì họ phấn đấu chưa thành công để đạt được mỹ mãn đạo đức thật đó thôi nhưng trong lòng thì vẫn có sự ray rứt, rất mong muốn vượt qua những chướng ngại đến từ tam độc (tham, sân, si) ngăn cản đường tu. Nếu có làm việc sát sinh, cùng lắm họ chỉ có thể bất giác, trong vô ý, đập chết một con thằn lằn lén uống cạn đĩa đèn dầu như trong câu chuyện rất cận nhân tình “Con thằn lằn chọn nghiệp” lược kể sau đây của nhà văn-phật tử Hồ Hữu Tường, được nhiều người trong giới Phật giáo yêu thích:

Trong một cái am xa xôi thanh vắng nọ có một sư cụ già tu đã nhiều năm, một hôm nói với hai người khách đang ở tá túc qua đêm: Bởi tôi đọc qua các kinh sách, thấy rằng Phật Thích Ca khi đắc đạo, có dạy: Hai ngàn năm trăm năm về sau, Phật pháp sẽ đến chỗ chi ly, ấy là hồi mạt pháp. Di Lặc sẽ xuống trần mà cứu độ chúng sanh và chính đạo lại. Nay kể cũng gần đến kỳ hạn. Chắc là Phật Di Lặc đã xuống trần mà độ kẻ thành tâm tu hành. Bởi lẽ ấy nên tôi có nguyện tụng đủ một nghìn lần kinh Di Lặc. Nếu lời nguyện được y, ấy là tôi sẽ đắc đạo...Tôi đã tụng được chín trăm chín mươi chín lần rồi. Bây giờ, chỉ còn lần thứ một nghìn, lần tụng của đêm nay.

Có một con thằn lằn sống trong am đã lâu và từng nghe qua chín trăm chín mươi chín lần kinh nên có linh giác. Nó vốn biết nguyện vọng của nhà sư là hễ tụng xong lần thứ một nghìn, thì nhà sư sẽ lên giàn hỏa mà tự thiêu... Rồi nó nghĩ: nhà sư lòng còn mê tín chưa được giác, phỏng có thiêu thân thì làm sao nhập được Niết Bàn... Rồi con thằn lằn quyết định: phải ngăn ngừa, đừng để nhà sư tụng xong lần thứ một nghìn. Nó nghĩ được một kế: ấy là bò lên bàn Phật, đến đĩa đèn dầu. Bấc sẽ lụn, đèn tắt, nhà sư không thấy chữ mà tụng nữa...

Nhà sư tụng mãi mà vẫn không hoàn thành được lần thứ một nghìn như đã nguyện, trong lòng rất bức. Và một đêm kia, dẫn lòng không được, tuy tụng kinh mà mắt chốc chốc nhìn đĩa dầu để xem sự thể do đâu, nhà sư bất gặp con thần lằn kê mở mà uống dầu. Nổi giận xung lên, nhà sư dùng gỗ mõ, mà mắng rằng:

- Đồ nghiệt súc! Té ra mi ngăn ngừa không cho ta được đắc đạo!

Rồi tay cầm dùi mõ, nhà sư nhắm ngay đầu con thần lằn mà đập mạnh... Hôm ấy nhà sư tụng xong lần kinh, bước lên giàn hỏa, tự châm lửa mà thiêu mình.

Và cũng đêm ấy, hai cái linh hồn được đưa đến trước tòa sen của Phật. Uy nghiêm, Ngài gọi nhà sư mà dạy:

- Nhà người theo cửa thiền từ thưở bé, mà chẳng hiểu bài học vỡ lòng của Pháp ta là thế nào! Pháp ta đã dạy là phải trừ hết dục vọng thì mới đắc đạo, mà người dục vọng lại quá nhiều: bởi việc muốn đắc đạo, để được thành Phật kia cũng là một cái dục vọng. Có dục vọng ấy là THAM, bởi tham nên giận mắng con thần lằn, ấy là SÂN, bởi sân nên tưởng rằng trừ được con thần lằn thì tha hồ tụng kinh, rồi đắc đạo, ấy là SI. Có đủ THAM, SÂN, SI tất phải phạm tội sát sanh, thì dầu ăn chay trường trọn đời cũng chưa bù được (xem Hồ Hữu Tường, “Con thần lằn chọn nghiệp”, đặc san *Suối Nguồn* tập 1, NXB Thành Phố Hồ Chí Minh, tháng 5.2011).

Câu chuyện trên đây quả rất cận nhân tình, cho thấy chỗ nhà sư nổi giận đập chết con thần lằn có một cái gì rất “người”, rất nhân bản.

Có một hiện tượng phổ biến nhưng thật ra không đáng bị phê bình lắm, vì cũng cận nhân tình, đó là việc chế biến thức ăn chay mô phỏng theo những món đồ mặn như tôm lăn bột, thịt giả cày... để tăng sự hấp dẫn và sự ngon miệng. Nói không đáng bị phê bình, vì hành vi buồn cười này của người ăn chay, dù tăng sĩ xuất gia hay cư sĩ tại gia, vẫn còn đọng lại chút phàm tục, mà đó lại là một lẽ rất bình thường, nếu không muốn nói còn có nét dễ thương nữa là khác. Ăn chay như vậy, tu mới được lâu bền hơn, nhưng nếu đứng trên quan điểm Phật giáo, lẽ tất nhiên đó không phải là một xu hướng tốt đáng được hoan nghênh khuyến khích.

Đến đây, mặc dù đã hết sức biện minh để cảm thông chia sẻ với các thầy trong một số biểu hiện đời thường trái với lời dạy khó theo của nhà Phật, chúng ta cũng không thể bỏ qua hoàn toàn một cách quá dễ dãi vì như thế sẽ không còn gì là tôn giáo chân chính đích thực trên cõi ta bà này nữa. Do vậy, chúng ta cũng không thể không trung thực nhìn nhận rằng, hiện nay, trong các giới tu sĩ xuất gia, những hiện tượng tiêu cực qua một số hành vi vi phạm vào các giới của sa di, tì kheo... đi cùng với nếp sống trái hẳn đạo lý nhà Phật, là tương đối phổ biến, Thậm chí cá biệt ở một số ít nơi nào đó, vẫn còn có những biểu hiện sa sút nặng nề hơn như trai gái, rượu chè, hút xách....

Thực tế còn cho thấy, nhẹ nhàng hơn nhưng khó nhận ra chỗ vi phạm vì tinh tế hơn, người ta đang có khuynh hướng đua nhau cất những ngôi chùa thật sang trọng bằng tiền quyền góp thiện nguyện của Phật tử giàu có, cho như thế là để tạo phương tiện hoằng dương Phật pháp nhưng không phải ai cũng làm đúng được ý nghĩa lành mạnh như vậy, mà có xu hướng phô trương vật chất và hưởng thụ nhiều hơn. Không ít chùa xây mới hoặc trùng tu tới tiền tỉ, chuẩn bị sẵn hầm để xe hơi và những phương tiện sinh hoạt đời thường khác. Chỉ một số ít thầy chân tu không chạy theo phong trào thì mới có được “chùa rách Phật vàng”.

Như chúng ta đều có thể biết, lối sinh hoạt như trên là đã vi phạm vào giới luật tối thiểu, vì trong 10 giới sa di phải nghiêm thủ, có giới thứ 8 là không sống đời sống vật chất sang

trọng và xa hoa, trên cơ sở ý thức được rằng sống trong những điều kiện vật chất sang trọng và xa hoa, người xuất gia sẽ khởi tâm ái dục và tự hào, trái với nếp sống giản dị, tri túc thiểu dục của nhà Phật. Vì thế sa di không được nằm ngồi trên những chiếc ghế và giường lộng lẫy, không sử dụng lụa là, gấm vóc, xe cộ bóng loáng và nhà cửa cao sang. Còn nói đến 250 giới khất khe chi li của bậc tì kheo, hoặc 348 giới của tì kheo ni, thì sự phạm giới trong những lối sống xa hoa như vậy còn tỏ ra trầm trọng hơn nhiều.

Lại còn có hiện tượng trái quấy truyền thống nữa như việc tổ chức những lễ hội rình rang tốn kém. Ngày kỷ niệm Phật đản sinh chẳng hạn, thay vì nên nhắm tới mục tiêu nhắc nhở và đề cao ý thức tu hành tinh tấn, noi gương Phật tổ, thì có không ít nơi người ta lại coi là dịp để phô trương đơn thuần về các mặt hình thức, đón rước linh đình, mà có thể từ đó còn tạo thêm cái tâm so sánh phân biệt và đố kỵ lẫn nhau. Lại có khi còn đi đến chỗ quá trớn hơn, vì chuyện chạy theo lễ lạc mà quên cả Phật pháp, như trong trường hợp trụ trì chùa tổ chức thêm những hình thức đặc biệt thu tiền của bá tánh và để đảm bảo tính cách trang nghiêm long trọng của các buổi lễ lớn thường niên, đã sai đê tử mạnh tay đuổi thẳng những người nghèo khổ xin ăn đang lảng vảng ở trước sân chùa!

Thời gian những năm gần đây, nhiều lễ hội hoặc cuộc hành hương mang màu sắc Phật giáo đã có khuynh hướng đi vào mê tín rở rệt, bị một số đình chùa lạm dụng trục lợi trắng trợn, tạo nên những hình ảnh lệch lạc khó coi bị cả dư luận xã hội lên án, làm ảnh hưởng nặng nề đến uy tín chung của Phật giáo. Việc dùng xe công đi lễ chùa rất phổ biến hiện nay cũng cho thấy hiện tượng chạy theo những giá trị hào nháng bề ngoài của một số Phật tử trong giới công quyền.

Hòa thượng Thích Thanh Từ cũng đã từng nhận định khi phê phán số Phật tử đến viếng chùa không phải vì động cơ tu học mà chỉ vì lòng tham, tin vào sự cầu cúng có thể mang lại cho mình được nhiều phước lộc: “Bởi những người Phật tử như thế đến với chùa, nên trong chùa mới có xin xăm bói quẻ, cúng sao cúng hạn, coi ngày lành ngày dữ... để thỏa mãn đòi hỏi của họ. Mặc dầu gần đây Giáo hội Phật giáo Việt Nam kêu gọi dẹp bỏ mê tín dị đoan, song thói quen của những Phật tử này vẫn chưa bỏ được. **Nguyên nhân Phật giáo suy đồi** (TVC nhấn mạnh) **phần lớn do những vị này mà ra**” (sđd., tr. 10). Xin mở thêm dấu ngoặc, chỗ này dường như Hòa thượng hơi thiếu công bằng, đổ hết lỗi về cho phía các thí chủ!

Trong cộng đồng những người theo đạo Phật, không kể chuyện phân phái được coi là đương nhiên về phương diện tư tưởng và nhận thức giáo lý, vẫn còn một số biểu hiện mất đoàn kết, tồn tại không ít những mối mâu thuẫn và tranh chấp giữa những nhóm đạo Phật khác nhau, hoặc giữa đạo Phật với một tôn giáo khác, theo tinh thần “bài xích dị kỷ”, chống lại những kẻ khác mình, một cách công khai hoặc ngấm ngầm. Điều này chúng ta có thể đọc thấy được ngay trong một số bài viết về tôn giáo hiện hành.

Nói lên những điều vừa kể ở trên, chúng ta không có ý phê phán việc phát triển chùa chiền theo hướng hiện đại hóa để phục vụ cho việc tu tập và truyền bá giáo lý được tốt hơn. Bởi vì việc tu theo đạo Phật ngày nay lẽ tất nhiên phải có những chuyển biến thích hợp theo thời hiện đại, không khư khư bảo thủ khuyến khích những lối tu khổ hạnh. Tuy nhiên, bất kỳ một sự xa hoa thái quá nào không cần thiết hoặc không nhắm vào mục tiêu chân chính quảng bá đạo pháp cũng đều có hại và khó thể được chấp nhận. Trái lại, một chùa nghèo ở nơi thâm sơn cùng cốc, ít có tín đồ lui tới cúng dường, vẫn có thể tu hành đắc quả được. Và chẳng, ở đâu có quá nhiều hình thức màu mè thì ở đó có thể ít có hơn những nội dung chân thực, chẳng khác nào giáo hội ở một nơi nào đó, nhờ được nhà cầm quyền ủng hộ, có được điều

kiện phát triển rộng rãi về bộ mặt nhà cửa chùa chiền và thu hút được đông đảo Phật tử đến nơi vắng cảnh, cúng dường, nhưng nếu thiếu một nội dung Phật chất bằng sự tu trì nghiêm túc nhằm đạt sự giác ngộ, thì bộ mặt hoành tráng bề ngoài có khi lại là một chướng ngại không nhỏ cho nỗ lực tu chứng và hành đạo, sống đạo.

Bệnh chuộng hư danh và phô trương hình thức khá phổ biến hiện nay là một chứng bệnh nguy hiểm, tạo nên ảo giác lạc quan về sự phát triển hình thức, số lượng bề ngoài làm cho người ta càng xa dần với nỗ lực sống đạo. Khoảng năm 1974, trong phần mở đầu cuốn *Đạo Phật ngày mai*, Hòa thượng Nhất Hạnh đã từng cảnh báo nhắc nhở điều này đối với toàn thể tăng ni Phật tử. Ông đã có dịp đi quan sát khắp nơi trên nhiều quốc gia và nhận thấy rằng tại những nơi Phật giáo được chính quyền ủng hộ thì giáo hội thường phát triển mạnh nhưng thiên trọng về cơ sở vật chất hơn là sự tu chứng. Trái lại, hiện tượng tu chứng đã được ghi nhận nhiều hơn chính tại những nơi chịu cảnh trái nghịch, không đạt được những điều kiện thuận lợi bề ngoài như thế...

Trong điều kiện Việt Nam hiện tại, mối quan hệ giữa Phật giáo và chính quyền đã có nhiều bước cải thiện đáng kể, nhưng chưa phải đã xóa được hoàn toàn mọi chỗ mắc mứu, vì thế người Phật tử chân chính tận tâm tu học cũng phải luôn luôn suy xét cảnh giác nhận thức đúng hoàn cảnh, củng cố chánh niệm, để vừa đảm bảo việc tu tập của mình không bị trở ngại, vừa tránh được những suy nghĩ cực đoan một chiều và phiến diện. Ở Việt Nam, không có tình trạng tôn giáo bị bức hại, thậm chí Phật giáo còn được đối xử tốt, nhiều chùa chiền lớn đã mọc lên, hoạt động lễ hội, tu học và hoằng pháp được tự do, nhưng giả định có khuynh hướng một số nhà chức trách nào đó, do quan niệm thiếu chuẩn xác, chỉ muốn coi Phật giáo như một lực lượng có lợi cho mình về phương diện chính trị mà can thiệp hơi sâu vào hoạt động của giáo hội, thì đó chẳng những không phải là cách tốt nhất giúp Phật giáo phát triển đúng hướng một cách tự nhiên mà còn có thể vô tình là một trong những nguyên nhân góp phần làm cho đạo Phật khó giữ được tính độc lập cùng những bản sắc cố hữu của nó. Giữa chính quyền và các tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng, trái lại nên có một sự phân công rõ ràng hơn, trong đó phần của các tôn giáo giữ vai trò tích cực góp phần giáo dục đời sống tinh thần của dân chúng để trong nước ngày càng có nhiều hơn những công dân lương thiện, nhờ thế mà chính phủ sẽ đỡ đi gánh nặng rất nhiều trong việc gìn giữ trị an, bài trừ tội ác và các tệ nạn xã hội hiện đang bị gia tăng dưới mọi hình thức mà hầu như chưa có một giải pháp khả thi toàn diện nào có thể ngăn chặn kịp thời. Còn phía chính phủ, đối với các tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng, chỉ nên đóng vai trò trọng tài, bảo vệ luật pháp, ngăn cấm và xử lý nếu có xảy ra những tình trạng lạm dụng tự do tín ngưỡng. Đó là đường lối xử trí tốt đẹp nhất mà hai bên có thể hợp tác chân thành với nhau vì mục tiêu chung tốt đạo đẹp đời.

Giả định một số biểu hiện tiêu cực như các phần nêu trên đã mô tả vẫn tiếp tục kéo dài và lan rộng mà không có cách gì ngăn chặn lại được kịp thời thì cái xấu sẽ phát triển dần lên đến mức khó kiểm soát, Phật giáo Việt Nam chắc chắn phải có hồi suy tàn, tương tự như hiện tượng suy tàn của đạo Phật tại Ấn Độ ngày trước.

Một thực tế không thể chối cãi là Phật giáo đã thật sự bị suy tàn ở chính nơi quê hương gốc của Đức Phật. Sự suy tàn này có thể đã bắt đầu từ [thế kỷ thứ 7](#) và đạo Phật thật sự biến mất trên đất Ấn vào [thế kỷ thứ 14](#). Mãi cho đến [thế kỷ 19](#) thì phong trào chấn hưng Phật giáo tại Ấn Độ mới bắt đầu trở lại, nhưng cũng chỉ vớt vát được một phần rất nhỏ.

Về các nguyên nhân được nêu ra, hiện đang có rất nhiều bài viết phân tích của các tăng nhân, học giả, ý kiến còn nhiều chỗ phân vân, dị biệt, nhưng chung nhất vẫn có sự thừa nhận rằng **một trong những nguyên nhân quan trọng là đời sống trụy lạc của giới tăng sĩ**. Quan điểm chung của các học giả Ấn Độ cho đó là sự xao lãng và sa đọa trong đời sống đạo đức và tâm linh của giới tu sĩ Phật giáo, tăng cũng như ni. Cộng thêm vào đó, từ [thế kỷ thứ 7](#) trở đi, đạo Phật đã có nhiều biểu hiện phân hoá với sự xuất hiện của nhiều tông phái có đường lối dị biệt và nhiều lúc chia rẽ nhau. Sự bao dung và tự do của Phật giáo cũng là một tiền đề cho sự suy tàn. Ngoài ra, trong thời gian đó, với đặc tính dễ thích nghi và phù hợp với nhu cầu thờ phụng của người bình dân ở Ấn Độ, đạo Bà La Môn có điều kiện để phát triển hơn đã làm cho đạo Phật dần dà trở thành thứ yếu hay chỉ còn là tôn giáo của tầng lớp trí thức. Một nguyên nhân quan trọng khác nữa thường được nhắc tới là sự bức hại Phật giáo của những người Hồi giáo cực đoan trong thời kỳ đó.

Sự biến mất của Đạo Phật ở Ấn Độ, nơi nó đã được sinh ra, trưởng thành và đạt đến những thành tựu cao nhất, là một hiện tượng đáng ngạc nhiên và đau lòng đối với những người chí thú với Phật pháp, mặc dù vậy nó vẫn đã xảy ra trên thực tế chứ không còn là một điều tưởng tượng. Tuy nhiên, cho đến tận giờ, thế nào và tại sao đạo Phật đã không tồn tại lâu dài ở Ấn Độ vẫn còn là một vấn đề khó hiểu với nhiều ý kiến rất khác nhau.

Câu chuyện giữa Đức Dalai Lama (Phật giáo Tây Tạng) và nhà báo Mỹ Thomas C. Laird được kể tóm lược sau đây có lẽ rất đáng chú ý để góp phần soi sáng nguyên nhân Phật giáo bị diệt vong ở Ấn Độ, một vấn đề bức xúc làm điên đầu rất nhiều tăng nhân và học giả để tâm nghiên cứu lịch sử đạo Phật thế giới. Trong quyển sách *Câu chuyện Tây Tạng: Những cuộc trò chuyện với Đức Dalai Lama* (The Story of Tibet: Conversations with the Dalai Lama), tác giả nhà báo trên ghi nhận:

“Phật giáo bị hủy diệt tại Ấn Độ, đã biến mất khỏi đất nước đã sinh ra tôn giáo này, hình ảnh mỉa mai ấy ám ảnh tôi trong nhiều thập niên... Tôi hỏi: ‘Phật giáo bị hủy diệt tại Ấn Độ như thế nào? Có phải chỉ vì những cuộc tấn công của người Hồi giáo?’.

“Đức Dalai Lama bắt đầu nói: ‘Không có gì xảy ra bởi một nhân tố. Một học giả tài giỏi đã quá cố có gởi tôi một quyển sách ông viết, trong đó bàn về ba nguyên nhân làm Phật giáo suy tàn tại Ấn Độ.

“Đức Dalai Lama nói tiếp: ‘*Một là*, những thí chủ ủng hộ các thiền viện càng ngày càng có xu thế xa rời truyền thống Phật giáo. *Hai là*, những tác động từ bên ngoài như Hồi giáo và các lực lượng khác, họ ra sức tiêu diệt Phật giáo. *Ba là*, các thiền viện và bản thân chư tăng trở nên rất giàu, tích trữ nhiều vàng, lại thêm tửu sắc. Những việc đó đã xảy ra. Do đó dân chúng không còn tôn kính, có người thì khinh rẻ, hoặc mất lòng tin chư tăng. Thế nên tôi nghĩ rằng không phải một mà là có nhiều nguyên nhân’.

“Tôi hỏi: ‘Thật ư? Ngài không trách người Hồi giáo sao?’.

“[Đức Dalai Lama đáp:] ‘Tôi nghĩ rằng trong trường hợp Tây Tạng cũng thế, y hệt như trường hợp Ấn Độ, có xu hướng xem xét những nguyên nhân bên ngoài. Khuynh hướng xem xét trước tiên những tác động ngoại lai đã mọc rễ sâu trong đầu con người và khó loại bỏ. Chúng ta chẳng thể làm được gì nhiều về những người khác, về những tác động ngoại lai. Nhưng chính chúng ta, nếu chúng ta không tu hành tốt, không giữ gìn giới luật, thì tôn giáo chúng ta trở thành giả dối. Đây là sự thật. Vậy đây đúng là lịch sử Phật giáo tại Ấn Độ và Tây Tạng’.

Tác giả Thomas C. Laird viết tiếp: “Tôi sửng sốt thấy rằng trong mọi trường hợp, Đức Dalai Lama trước tiên tìm lỗi bản thân trước khi Ngài tìm lỗi người khác. Ngài trước tiên tìm lỗi ở Phật giáo trước khi tìm lỗi ở các tôn giáo khác. Ngài trước tiên tìm lỗi ở Tây Tạng rồi mới tìm lỗi ở các nước khác. Khuynh hướng của Ngài đã định hình cách Ngài nhìn lịch sử (...). Khuynh hướng của Ngài là trước hết hãy thấy lỗi của chính mình, quốc gia mình, và tôn giáo mình” (Dũ Lan Lê Anh Dũng trích dịch, xem “Tái bút hồi âm một người bạn”, Tuần báo Công Giáo Và Dân Tộc, số 1819, từ 5.8 đến 11.8.2011, tr. 42).

Ý kiến của Dalai Lama như trên thật đáng là một đề tài để mọi người tham khảo suy ngẫm, đem soi chiếu một cách hữu ích cho hiện trạng của Phật giáo Việt Nam và nhiều nơi khác trên thế giới, vì tại những nơi này, xu hướng lối sống xa rời truyền thống Phật giáo của các tầng sĩ là một sự thật không thể chối cãi, nếu không muốn nói còn đang ngày một gia tăng. Với cái đà này, nếu không ngăn chặn lại được, và theo cách nhìn vấn đề của Dalai Lama như trên, khả năng xuống cấp di dần tới tự hủy diệt của Phật giáo Việt Nam và một số nơi khác trên thế giới là một điều hoàn toàn có thể xảy ra trong một tương lai không xa.

Tuy nhiên, với cái nhìn biện chứng thực tế hơn, và thận trọng hơn, mặc dù “thành trụ hoại không” vẫn là một chân lý bất di bất dịch hiểu theo nghĩa tổng quát, Phật giáo chắc chắn sẽ không thể bị hủy diệt theo nghĩa đen như một khối vật chất bị phá hủy, nhưng quá trình tự hủy của nó cũng sẽ diễn ra một cách tương tự như định luật bảo tồn khối lượng chất đã phát biểu, rằng không có gì mất đi hẳn, mà sẽ chuyển hóa để tồn tại dưới những hình thái và số lượng-chất lượng khác. Như vậy, với cái đà phát triển bất toàn này, như chúng ta đã thấy, có thể Phật giáo không bị **biến mất** hoàn toàn trên thế gian khi cuộc đời vẫn còn là bể khổ, mà bị **biến chất, suy thoái** theo một con đường lắt léo phức tạp nào đó tùy theo những yếu tố tác động khác nhau từ bên ngoài, đến mức sẽ có thể trở thành giả dối và chỉ còn là một cái xác không hồn, mất hết nội dung Phật chất, tồn tại một cách lu mờ mà không mang lại lợi lạc thực tế gì cho cuộc nhân sinh.

Rốt cuộc, có lẽ chúng ta chỉ nên chấp nhận sự tương đối, không đòi hỏi đạt được mức độ lý tưởng, vì mọi lý tưởng nếu muốn áp dụng chung cho cả một cộng đồng quốc gia đông người là điều hầu như không bao giờ có thể thực hiện được.

Trong chiều hướng cải cách Phật giáo để thích nghi với điều kiện mới của xã hội hiện đại, có lẽ nên nghĩ tới việc sửa lại một số điều khoản trong giới luật theo hướng giảm bớt và giản dị hóa cho người tu tập dễ theo, và nhờ thế cũng sẽ giảm bớt được tình trạng vi phạm giới luật đang có vẻ quá nhiều như hiện nay, giúp cho việc tu hành được thêm dễ dàng thoải mái. Nếu không đạt được sự tu chứng với số đông người ở trình độ cao để có nhiều thiền sư đặc đạo, thì tạo được một xã hội có nội dung Phật chất rộng rãi trong đó càng có được nhiều người hơn biết ăn chay niệm Phật, thương người thương vật bằng tâm từ bi hỉ xả, hoặc thậm chí chỉ cần sống theo tinh thần hướng thiện của đạo Phật, cũng đã tốt lắm rồi.

Để đề phòng khả năng suy sụp về chất (chứ không phải về hình thức, số lượng), và bảo vệ uy tín cho cộng đồng, gây lại niềm tin cho dân chúng nói chung và tín đồ Phật giáo nói riêng, giáo hội cũng cần tự cải tạo hình ảnh bằng cách làm trong sạch mình hơn nữa thông qua công tác bầu chọn, bổ nhiệm nhân sự, và tăng cường kỷ luật hơn nữa để có thể đưa ra khỏi hàng ngũ những người vì thiếu căn tu mà vi phạm quá nhiều giới cấm, đặc biệt là đối với một số phần tử xấu cố ý lợi dụng lớp áo nhà tu để trục lợi, mượn đạo tạo đời...

Trong lịch sử Việt Nam, từng có trường hợp Phật giáo bị lợi dụng và sa đọa nặng nề, nhưng cũng đã có những tấm gương chấn chỉnh đạo pháp mà thành công, như trong trường hợp Chúa Nguyễn Phúc Chu (1675-1725) đã làm được trong khoảng nửa đầu thế kỷ 18 ở xứ Đàng Trong (miền Nam thời trước), nhờ vào nhận thức sáng suốt và sự kiên quyết (có thể xem Trần Hồng Liên, “Đặc điểm Phật giáo Đàng Trong thế kỷ 18”, đặc san *Suối Nguồn*, tập 1, NXB. TP. Hồ Chí Minh, tháng 5.2011).

Những việc cần làm ngay này không dễ dàng chút nào đâu, vì chắc chắn sẽ có tình trạng kiêng nể, bao che lẫn nhau, cũng khó khăn tương tự như việc nhà nước muốn chống nạn tham nhũng tràn lan vậy, nên đây có thể coi là một vấn nạn mà khả năng vượt qua được tới đâu là một thách thức rất to lớn đối với toàn thể giáo đồ, đặc biệt đối với những vị lãnh đạo tôn giáo đang có trọng trách và tầm ảnh hưởng quan trọng trong cuộc hưng suy của Phật giáo tại Việt Nam.

Phải có đủ cả bi, trí, dũng, giới, định, huệ và chánh kiến, chánh tư duy lẫn cả chánh niệm, chánh tín mới dám nhìn thẳng vào sự thật để tự phê phán và từ đó giải quyết vấn đề, tiến hành công cuộc cải lương giáo hội một cách thật sự hiệu quả, nhằm tránh vết xe đổ của một đạo Phật bị tuyệt diệt trên thực tế tại Ấn Độ.

Đạo Phật Việt Nam tuy khó bị hủy diệt hơn, nhờ có những hoàn cảnh thích hợp hơn về các mặt tâm lý, tập quán, truyền thống dân tộc... nhưng những biểu hiện biến tướng không lành mạnh của nó ngày một gia tăng trong vài chục năm gần đây như trên đã phân tích một phần sơ lược, cũng là một hình thức của sự suy đồi từ bên trong, thật rất đáng lo ngại và cần phải nhanh chóng ra tay cứu chữa càng sớm càng tốt. Công việc hệ trọng đó đòi hỏi sự đoàn kết quyết chí một lòng cùng sự kiên trì của toàn thể tăng ni Phật tử, mới có thể làm được.

17.10.2011

Trần Văn Chánh

Nguồn: <https://thuvienhoasen.org/p83a13644/1/tan-man-kha-nang-tu-suy-thoai-cua-phat-giao-tran-van-chanh>

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN ONLINE VỚI HƠN 10800 TÁC PHẨM